

**CÔNG TY TNHH KVGPAY GLOBAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KVGPAY GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KVGPAY GLOBAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KVGPAY GLOBAL CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110843806

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, số 23 ngõ 16 Phố Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm, hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                    | 4610                                                         |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                            | 4651                                                         |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                             | 4652                                                         |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                           | 4690                                                         |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4741                                                         |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                      | 4742                                                         |
| 7.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                           | 4791                                                         |
| 8.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                        | 4799                                                         |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Loại trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không và hoa tiêu)                                                                                                                                                      | 5229                                                         |
| 10. | Xuất bản phần mềm<br>(Không bao gồm xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                             | 5820                                                         |
| 11. | Hoạt động viễn thông có dây                                                                                                                                                                                                                                                    | 6110                                                         |
| 12. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 6190(Chính)                                                  |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201                                                         |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                            | 6202                                                         |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                | 6209                                                         |
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                      | 6311                                                         |
| 17. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                      | 6312                                                         |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, chứng khoán, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                            | 7020                                                         |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)<br>(Loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập và dịch vụ lấy lại tài sản)                      | 8299                                                         |
| 20. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN KHÔI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042082000331

Ngày cấp: 16/10/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 3616 HH4C Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 3616 HH4C Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN KHÔI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042082000331

Ngày cấp: 16/10/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 3616 HH4C Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 3616 HH4C Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội